

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Kế hoạch số 55-KH/TU ngày 14/02/2026 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của
Bộ chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển
bền vững đất nước trong tình hình mới**

Thực hiện Kế hoạch số 55-KH/TU ngày 14/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (sau đây viết tắt là Kế hoạch 55-KH/TU), Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định rõ những nội dung, nhiệm vụ để cụ thể hóa, triển khai đầy đủ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Kế hoạch số 55-KH/TU.
- Xác định rõ được nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của từng sở, ngành, đơn vị, UBND các xã, phường trong triển khai ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
- Làm cơ sở để cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ, hiệu quả các nội dung trong Kế hoạch của Tỉnh ủy.

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở; tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng, toàn diện nội dung Nghị quyết 36-NQ/TW; Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16/11/2023 của Chính phủ và Kế hoạch 55-KH/TU đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân, nhất là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp.
- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kế hoạch 55-KH/TU; bảo đảm đồng bộ với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các chương trình, kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu phát triển tỉnh.
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc triển khai, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy việc thực hiện Kế hoạch 55-KH/TU.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập trung đầu tư phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh và từng địa phương. Ưu tiên phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong các lĩnh vực trọng điểm như nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp chế biến; y dược; bảo vệ môi trường; an ninh, quốc phòng; đặc biệt là trong phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, sản xuất phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường. Qua đó tạo chuyển biến rõ nét trong ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống Nhân dân, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt trên 10%/năm trong giai đoạn 2026 - 2030, hướng tới phát triển nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Phân đầu có ít nhất 20% nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng chuyên giao tiến bộ công nghệ sinh học, công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch, y dược, bảo vệ môi trường được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

(2) Hình thành ít nhất 01 Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học cấp tỉnh.

(3) Nâng cấp 03 phòng thí nghiệm đạt chuẩn an toàn sinh học cấp 1-2.

(4) Xây dựng ít nhất 03 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

(5) Chọn tạo, phục tráng và nhân giống ít nhất 05 loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có ứng dụng công nghệ sinh học.

(6) Có ít nhất 50% diện tích sản xuất cây trồng chủ lực của tỉnh (cây chè, cây quế, cây ăn quả, cây dược liệu, dâu tằm, rau, hoa,...) được áp dụng các quy trình sản xuất an toàn sinh học, sản xuất hữu cơ, VietGAP, GACP-WHO.

(7) 100% diện tích cây dược liệu đảm bảo an toàn; diện tích trồng dược liệu làm thuốc đảm bảo tiêu chuẩn thực hành tốt trồng trọt và thu hái của Tổ chức Y tế thế giới (GACP-WHO).

(8) Phát triển ít nhất 05 sản phẩm dược liệu - thực phẩm chức năng từ nguồn gen bản địa.

(9) Có ít nhất 10 mô hình nông nghiệp sinh học - kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp

(10) 100% cơ sở sản xuất, chế biến nông lâm sản, thủy sản lớn áp dụng các biện pháp sinh học, sử dụng các chế phẩm sinh học xử lý phụ phẩm; 50% khu/cụm công nghiệp triển khai xử lý nước thải bằng chế phẩm sinh học.

(11) Phân đầu số lượng cơ sở y tế tuyến tỉnh ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán đạt 70%.

(12) Có ít nhất 20 doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, kinh doanh.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Phấn đấu đưa Lào Cai trở thành tỉnh có trình độ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học hàng đầu trong khu vực miền núi phía Bắc; từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sinh học, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, trong công tác quản lý nhà nước triển khai thực hiện ngay các nhiệm vụ, gồm:

1.1. Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt; kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW và Kế hoạch 55-KH/TU đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân trong tỉnh, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và tạo sự đồng thuận cao trong quá trình tổ chức thực hiện.

1.2. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Kế hoạch 55-KH/TU và Nghị quyết 36-NQ/TW; trong đó cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh vào chương trình, kế hoạch công tác của từng ngành và từng địa phương, bảo đảm tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

1.3. Triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 03/2/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển được liệu chiến lược tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2050 gắn với các mục tiêu, giải pháp tại Nghị quyết 36-NQ/TW, Kế hoạch 55-KH/TU.

2. Các nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030

2.1. Triển khai thực hiện, xây dựng, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

(1) Rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, có chính sách; thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; đảm bảo an toàn sinh học; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, ngành nghề; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý, phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực.

(2) Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, quốc phòng an ninh.

(3) Đẩy mạnh áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế xã hội; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

2.2. Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2.2.1. Trong sản xuất nông, lâm nghiệp

(1) Chú trọng nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ sinh học trong nông nghiệp, nuôi trồng, khai thác, chế biến, bảo quản sản phẩm nông lâm sản, thủy sản. Xây dựng nền nông nghiệp an toàn, hiệu quả, bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý hiếm; tạo các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, có khả năng chống chịu tốt với biến đổi khí hậu

(2) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và canh tác các giống cây trồng, cây lâm nghiệp, vật nuôi và các giống thủy sản sạch bệnh, thích nghi với biến đổi khí hậu và có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao.

(3) Áp dụng rộng rãi các quy trình sản xuất an toàn sinh học, sản xuất hữu cơ, VietGAP, GACP-WHO,... trong phát triển các vùng sản xuất cây trồng chủ lực của tỉnh (cây chè, cây ăn quả, cây dược liệu, dâu tằm, rau, hoa...).

(4) Ưu tiên triển khai ứng dụng công nghệ sinh học xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp.

(5) Ứng dụng rộng rãi các sản phẩm công nghiệp công nghệ sinh học (các chế phẩm vi sinh, enzyme, protein,...) trong sản xuất và chế biến nông, lâm, thủy sản góp phần hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

(6) Chú trọng đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: mở rộng diện tích nhà kính, nhà màng, khí canh, thủy canh,...; mở rộng các vùng nguyên liệu hữu cơ, phát triển nông nghiệp gắn với du lịch để phát huy lợi thế, nâng cao giá trị cho các sản phẩm của địa phương.

(7) Hình thành và phát triển các vùng sản xuất cây dược liệu tập trung gắn với cơ sở chế biến và tiêu thụ.

2.2.2. Trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

(1) Tăng cường đầu tư các thiết bị, công nghệ mới, đặc biệt là ứng dụng trong sinh hóa, sinh học phân tử cho hệ thống các bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

(2) Đẩy mạnh ứng dụng các kỹ thuật như PCR, giải trình tự gen trong chẩn đoán sớm các bệnh di truyền, ung thư và các bệnh truyền nhiễm.

(3) Cập nhật và đưa vào sử dụng các loại vắc-xin, huyết thanh, các loại dược phẩm có nguồn gốc sinh học trong phòng bệnh, chữa bệnh nâng cao sức khỏe cho người dân.

(4) Phối hợp tiếp nhận, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, phương pháp mới ứng dụng công nghệ sinh học từ các bệnh viện tuyến trên vào điều trị bệnh.

(5) Kế thừa và phát triển y học cổ truyền, nghiên cứu các cây thuốc, bài thuốc điều trị, ứng dụng công nghệ sinh học bào chế các bài thuốc, sản xuất dược phẩm từ các loại cây dược liệu bản địa của tỉnh.

(6) Đầu tư xây dựng và phát triển các Trung tâm bảo tồn, nghiên cứu và phát triển cây dược liệu bản địa.

(7) Hoàn thiện chuỗi giá trị dược liệu Sa Pa - Bắc Hà - Văn Bàn.

(8) Ưu tiên nghiên cứu, áp dụng nghiêm ngặt các quy định về an toàn sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác an toàn thực phẩm bảo đảm sức khỏe và đời sống của nhân dân.

2.2.3. Trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên, môi trường

(1) Ứng dụng các chế phẩm vi sinh trong xử lý môi trường, xử lý chất thải chăn nuôi, chất thải trong nuôi trồng thủy sản, xử lý các phế phụ phẩm từ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến, ...

(2) Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp.

(3) Khuyến khích sản xuất nguyên, nhiên liệu sinh học (bio-), sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái tạo, sử dụng nguyên liệu thực vật, thân thiện với môi trường để thay thế các sản phẩm nhựa; khuyến khích xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải.

(4) Nghiên cứu giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Tăng Loong áp dụng công nghệ sinh học giảm phát thải.

2.2.4. Trong lĩnh vực quốc phòng an ninh

Tăng cường ứng dụng các sản phẩm sinh học phục vụ công tác bảo đảm an ninh, quốc phòng. Chủ động ứng phó tình huống khủng bố bằng tác nhân sinh học, chiến tranh sử dụng vũ khí sinh học, sự cố, dịch bệnh; xử lý chất độc hóa học; bảo đảm an ninh sinh học trong nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2.2.5. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

(1) Tăng cường tuyển chọn, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, ứng dụng chuyên gia tiến bộ công nghệ sinh học, công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch, y dược, bảo vệ môi trường triển khai trên địa bàn tỉnh.

(2) Đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp, bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học; bảo quản chế biến nông, lâm, thủy sản; bảo vệ môi trường.

(3) Tập trung công tác kiểm tra, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện các đề tài, dự án, các mô hình sản xuất về ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh, đề xuất các phương án phát triển nhân rộng mô hình.

(4) Hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, phát triển ứng dụng công nghệ số, ứng dụng công nghệ sinh học, nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học; ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý các phụ phẩm, phế phẩm, chất thải từ sản xuất công nghiệp chế biến.

(5) Đẩy mạnh hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

2.3. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

(1) Đẩy mạnh việc đào tạo, thu hút nguồn nhân lực công nghệ sinh học nhất là nhân lực trong các ngành khoa học công nghệ, nông nghiệp phát triển nông thôn, công nghiệp, y tế, môi trường; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học vào nhu cầu thực tiễn, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

(2) Tiếp tục đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho các đơn vị sự nghiệp, các trung tâm đánh giá, kiểm định, kiểm soát dịch bệnh, phòng thí nghiệm, cơ sở y tế nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học.

(3) Hỗ trợ, phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học; hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ, thiết bị nhằm sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

(4) Tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho nông dân, các nhà quản lý nông nghiệp, chủ trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp của tỉnh về xu thế phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp.

2.4. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học

(1) Khuyến khích mua, chuyển giao, trao đổi công nghệ sinh học, trong đó quan tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao phù hợp với đặc điểm của tỉnh. Tăng cường quan hệ hợp tác giữa các nhà khoa học của tỉnh với các nhà khoa học ở các trường đại học, các viện nghiên cứu ở Trung ương; các địa phương trong cả nước và các Viện, các Trường Đại học quốc tế.

(2) Tăng cường, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, tuân thủ các điều ước quốc tế có liên quan đến công nghệ sinh học trong quá trình hợp tác.

(3) Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học; chủ động xây dựng các chương trình, đề tài, dự án hợp tác song phương và đa phương với các tổ chức quốc tế, công ty nước ngoài có công nghệ sinh học phát triển để trao đổi thông tin dữ liệu, tranh thủ những kinh nghiệm, tiếp nhận tài trợ và đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển công nghệ sinh học của tỉnh. Mời chuyên gia quốc tế tư vấn xây dựng Khu nghiên cứu - đổi mới sáng tạo công nghệ sinh học Lào Cai.

3. Nhiệm vụ thường xuyên

3.1. Nghiên cứu, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân. Đưa các nhiệm vụ, giải pháp phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành, lĩnh vực.

3.2. Thường xuyên rà soát, kịp thời cập nhật, bổ sung nội dung phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của các địa phương, ngành, lĩnh vực.

3.3. Quan tâm chỉ đạo tuyên truyền những thành tựu về công nghệ sinh học; tập trung tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, chú trọng giới thiệu các thành tựu công nghệ sinh học; chủ động tuyên truyền các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; kịp thời khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả.

3.4. Tăng cường xây dựng nội dung tuyên truyền trên mạng xã hội, cổng thông tin điện tử tỉnh, các buổi hội thảo trực tuyến dành cho doanh nghiệp, nông dân; Tổ chức chuyên mục trên mạng xã hội, phát clip ngắn về ứng dụng công nghệ sinh học, kết hợp với video hướng dẫn kỹ thuật nông nghiệp thông minh.

(Nhiệm vụ và chỉ tiêu cụ thể có phụ lục kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Huy động, lồng ghép đa dạng các nguồn kinh phí để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, bao gồm:

- Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước thông qua các chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các chương trình mục tiêu quốc gia có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Nguồn kinh phí huy động xã hội hóa từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học.

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện và triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch, đề xuất bổ sung các giải pháp nhằm bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch đã đề ra. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả tình hình thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 15 tháng 11** để tổng hợp, báo cáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp các đề xuất, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo theo quy định.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, tổng hợp, cân đối nguồn vốn đầu tư, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí lồng ghép trong các chương trình, dự án, đề án về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng

năm để thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch này; bố trí kinh phí cho các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 55-KH/TU ngày 14/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và PTTH, Công TTĐT tỉnh;
- Các chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Hạnh Phúc

PHỤ 01**MỤC TIÊU CỤ THỂ VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mục tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị, chủ trì thực hiện	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
1	Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ công nghệ sinh học, công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch, y dược, bảo vệ môi trường được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.	$\geq 20\%$	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương; Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Hình thành Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học cấp tỉnh.	≥ 1	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Nâng cấp phòng thí nghiệm đạt chuẩn an toàn sinh học cấp 1-2.	≥ 3	Sở Y tế; Các địa phương cấp xã	Sở Y tế
4	Xây dựng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	≥ 3	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Chọn tạo, phục tráng và nhân giống các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có ứng dụng công nghệ sinh học.	≥ 5	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Diện tích sản xuất cây trồng chủ lực của tỉnh (cây chè, cây quế, cây ăn quả, cây dược liệu, dâu tằm, rau, hoa,...) được áp dụng các quy trình sản xuất an toàn sinh học, sản xuất hữu cơ, VietGAP, GACP-WHO.	$\geq 50\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Diện tích cây dược liệu đảm bảo an toàn; diện tích trồng dược liệu làm thuốc đảm bảo tiêu chuẩn thực hành tốt trồng trọt và thu hái của Tổ chức Y tế thế giới (GACP-WHO).	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mục tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị, chủ trì thực hiện	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
8	Phát triển sản phẩm dược liệu - thực phẩm chức năng từ nguồn gen bản địa.	≥ 5	Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Xây dựng, phát triển mô hình nông nghiệp sinh học - kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp	≥ 10	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Số cơ sở sản xuất, chế biến nông lâm sản, thủy sản lớn áp dụng các biện pháp sinh học, sử dụng các chế phẩm sinh học xử lý phụ phẩm;	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Số khu/cụm công nghiệp triển khai xử lý nước thải bằng chế phẩm sinh học.	50%	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường
11	Số lượng cơ sở y tế tuyến tỉnh ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán	70%	Sở Y tế; Các đơn vị, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Sở Y tế
12	Số doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, kinh doanh.	≥ 20	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã và các đơn vị tổ chức, cá nhân có liên quan	Sở Tài chính

PHỤ LỤC 02: BIỂU PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
I	Các nhiệm vụ cần triển khai thực hiện ngay				
1	Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt; kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 và Kế hoạch số 55-KH/TU ngày 14/02/2026 đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân trong tỉnh, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và tạo sự đồng thuận cao trong quá trình tổ chức thực hiện.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường	Báo Lào Cai; Cổng thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trước ngày 15/6/2026.	Kế hoạch tuyên truyền cấp ngành, cấp xã và đoàn thể được ban hành
2	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Kế hoạch số 55-KH/TU ngày 14/02/2026 và Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị; trong đó cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh vào chương trình, kế hoạch công tác của tỉnh, từng ngành và từng địa phương, bảo đảm tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Trước ngày 15/4/2026.	Kế hoạch thực hiện Kế hoạch 55-KH/TU của các sở, ngành và xã, phường được ban hành
3	Triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 03/2/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển được liệu chiến lược tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2050 gắn với các mục tiêu, giải pháp tại Nghị quyết 36-NQ/TW và Kế hoạch số 55-KH/TU.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Từ tháng 3/2026	Các Kế hoạch hành động, chương trình công tác cụ thể hóa Nghị quyết 48 gắn với các mục tiêu, giải pháp tại Nghị quyết 36-NQ/TW và Kế hoạch số

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
					55-KH/TU tại từng cấp, từng sở, ngành; các văn bản hướng dẫn cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển được liệu,....
II	Các nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030				
1	Triển khai thực hiện, xây dựng, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học				
1.1	Rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, có chính sách; thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; đảm bảo an toàn sinh học; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, ngành nghề; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý, phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.	Hàng năm từ tháng 3/2026	Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật/Quyết định điều chỉnh,....
1.2	Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, quốc phòng an ninh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Các mô hình ứng dụng thực tế
1.3	Đẩy mạnh áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ phát	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức,	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Các mô hình ứng dụng thực tế

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
	triển kinh tế xã hội; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.		doanh nghiệp, Hợp tác xã		
2	Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.				
2.1	<i>Trong sản xuất nông, lâm nghiệp</i>				
2.1.1	Chú trọng nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ sinh học trong nông nghiệp, nuôi trồng, khai thác, chế biến, bảo quản sản phẩm nông lâm sản, thủy sản. Xây dựng nền nông nghiệp an toàn, hiệu quả, bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý hiếm; tạo các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, có khả năng chống chịu tốt với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Các mô hình ứng dụng thực tế
2.1.2	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và canh tác các giống cây trồng, cây lâm nghiệp, vật nuôi và các giống thủy sản sạch bệnh, thích nghi với biến đổi khí hậu và có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Các mô hình ứng dụng thực tế
2.1.3	Áp dụng rộng rãi các quy trình sản xuất an toàn sinh học, sản xuất hữu cơ, VietGAP, GACP-WHO,... trong phát triển các vùng sản xuất cây trồng chủ lực của tỉnh (cây chè, cây ăn quả, cây dược liệu, dâu tằm, rau, hoa...).	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Các mô hình ứng dụng thực tế
2.1.4	Ưu tiên triển khai ứng dụng công nghệ sinh học xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức,	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Các mô hình ứng dụng thực tế

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
			doanh nghiệp, Hợp tác xã		
2.1.5	Ứng dụng rộng rãi các sản phẩm công nghiệp công nghệ sinh học (các chế phẩm vi sinh, enzyme, protein,...) trong sản xuất và chế biến nông, lâm, thủy sản góp phần hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Các mô hình ứng dụng thực tế
2.1.6	Chú trọng đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: mở rộng diện tích nhà kính, nhà màng, khí canh, thủy canh,...; mở rộng các vùng nguyên liệu hữu cơ, phát triển nông nghiệp gắn với du lịch để phát huy lợi thế, nâng cao giá trị cho các sản phẩm của địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Các mô hình ứng dụng thực tế
2.2	<i>Trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân</i>				
2.2.1	Tăng cường đầu tư các thiết bị, công nghệ mới, đặc biệt là ứng dụng trong sinh hóa, sinh học phân tử cho hệ thống các bệnh viện trên địa bàn tỉnh.	Sở Y tế.	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Các thiết bị, công nghệ mới/Mô hình ứng dụng
2.2.2	Đẩy mạnh ứng dụng các kỹ thuật như PCR, giải trình tự gen trong chẩn đoán sớm các bệnh di truyền, ung thư và các bệnh truyền nhiễm.	Sở Y tế.	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Mô hình ứng dụng

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
2.2.3	Cập nhật và đưa vào sử dụng các loại vắc-xin, huyết thanh, các loại dược phẩm có nguồn gốc sinh học trong phòng bệnh, chữa bệnh nâng cao sức khỏe cho người dân.	Sở Y tế.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Báo cáo tổng hợp
2.2.4	Phối hợp tiếp nhận, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, phương pháp mới ứng dụng công nghệ sinh học từ các bệnh viện tuyến trên vào điều trị bệnh.	Sở Y tế.	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Mô hình ứng dụng thực tế
2.2.5	Kế thừa và phát triển y học cổ truyền, nghiên cứu các cây thuốc, bài thuốc điều trị, ứng dụng công nghệ sinh học bào chế các bài thuốc, sản xuất dược phẩm từ các loại cây dược liệu bản địa của tỉnh.	Sở Y tế.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Mô hình ứng dụng thực tế/Sản phẩm dược liệu-thực phẩm chức năng từ nguồn gen bản địa (ít nhất 5 sản phẩm)
2.2.6	Đầu tư xây dựng và phát triển các Trung tâm bảo tồn, nghiên cứu và phát triển cây dược liệu bản địa.	Sở Y tế.	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Hạ tầng kỹ thuật hiện đại/Quy trình kỹ thuật mới/Các sản phẩm cây giống, hạt giống chất lượng cao, sạch bệnh
2.2.7	Hoàn thiện chuỗi giá trị dược liệu Sa Pa - Bắc Hà - Văn Bàn.	Sở Y tế.	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các sở, ngành; Ủy ban	Hàng năm từ tháng 3/2026	Chuỗi giá trị dược liệu Sa Pa - Bắc Hà - Văn Bàn.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
			nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã		
2.2.8	Ưu tiên nghiên cứu, áp dụng nghiêm ngặt các quy định về an toàn sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác an toàn thực phẩm bảo đảm sức khỏe và đời sống của nhân dân	Sở Y tế.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Mô hình ứng dụng thực tiễn
2.3	<i>Trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên, môi trường</i>				
2.3.1	Ứng dụng các chế phẩm vi sinh trong xử lý môi trường, xử lý chất thải chăn nuôi, chất thải trong nuôi trồng thủy sản, xử lý các phế phụ phẩm từ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến, ...	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Mô hình ứng dụng thực tiễn
2.3.2	Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Sở Y tế; Sở Công Thương; Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Mô hình ứng dụng thực tiễn
2.3.3	Khuyến khích sản xuất nguyên, nhiên liệu sinh học (bio-), sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái tạo, sử dụng nguyên liệu thực vật, thân thiện với môi trường để thay thế các sản phẩm nhựa; khuyến khích xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Sở Công Thương; Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Mô hình ứng dụng thực tiễn

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
2.3.4	Nghiên cứu giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Tăng Loong áp dụng công nghệ sinh học giảm phát thải.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Sở Tài chính; Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm từ tháng 3/2026	Đề án/Chương trình/Kế hoạch
2.4	<i>Trong lĩnh vực quốc phòng an ninh</i>				
	Tăng cường ứng dụng các sản phẩm sinh học phục vụ công tác bảo đảm an ninh, quốc phòng. Chủ động ứng phó tình huống khủng bố bằng tác nhân sinh học, chiến tranh sử dụng vũ khí sinh học, sự cố, dịch bệnh; xử lý chất độc hóa học; bảo đảm an ninh sinh học trong nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.	Công an tỉnh	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường	Hàng năm từ tháng 3/2026	Các văn bản triển khai/Mô hình ứng dụng thực tiễn
2.5	<i>Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>				
2.5.1	Tăng cường tuyển chọn, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ công nghệ sinh học, công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch, y dược, bảo vệ môi trường triển khai trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Các sở, ngành; địa phương; Các tổ chức, đơn vị liên quan	Hàng năm từ tháng 3/2026	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt triển khai
2.5.2	Đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp, bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học; bảo quản chế biến nông, lâm, thủy sản; bảo vệ môi trường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Các sở, ngành; địa phương; Các	Hàng năm từ tháng 3/2026	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt triển khai

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
			tổ chức, đơn vị liên quan		
2.5.3	Tập trung công tác kiểm tra, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện các đề tài, dự án, các mô hình sản xuất về ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh, đề xuất các phương án phát triển nhân rộng mô hình.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Các sở, ngành; địa phương; Các tổ chức, đơn vị liên quan	Hàng năm	Kế hoạch/Chương trình/Báo cáo
2.5.4	Hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, phát triển ứng dụng công nghệ số, ứng dụng công nghệ sinh học, nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học; ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý các phụ phẩm, phế phẩm, chất thải từ sản xuất công nghiệp chế biến.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Các sở, ngành; địa phương; Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan	Hàng năm	Đề án/Chương trình/Kế hoạch
2.5.5	Đẩy mạnh hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Các sở, ngành; địa phương; Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan	Hàng năm	Đề án/Chương trình/Kế hoạch
3	Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.				
3.1	Đẩy mạnh việc đào tạo, thu hút nguồn nhân lực công nghệ sinh học nhất là nhân lực trong các ngành khoa học công nghệ, nông nghiệp phát triển nông thôn, công nghiệp, y tế, môi trường; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học vào nhu cầu thực tiễn, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Tài chính; Sở Khoa học và công nghệ	Các sở, ngành; địa phương; Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan	2026-2030	Đề án/Kế hoạch/Chương trình

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
3.2	Tiếp tục đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho các đơn vị sự nghiệp, các trung tâm đánh giá, kiểm định, kiểm soát dịch bệnh, phòng thí nghiệm, cơ sở y tế nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học.	Sở Y tế; Sở Tài chính; Sở Khoa học và công nghệ	Các sở, ngành; địa phương; Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan	2026-2030	Đề án/ Dự án/Kế hoạch /Chương trình
3.3	Hỗ trợ, phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học; hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ, thiết bị nhằm sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.				Đề án/ Dự án/Kế hoạch /Chương trình
3.4	Tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho nông dân, các nhà quản lý nông nghiệp, chủ trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp của tỉnh về xu thế phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	2026-2030	Kế hoạch/Chương trình
4	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học				
4.1	Khuyến khích mua, chuyển giao, trao đổi công nghệ sinh học, trong đó quan tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao phù hợp với đặc điểm của tỉnh. Tăng cường quan hệ hợp tác giữa các nhà khoa học của tỉnh với các nhà khoa học ở các trường đại học, các viện nghiên cứu ở Trung ương; các địa phương trong cả nước và các Viện, các Trường Đại học quốc tế.	Sở Khoa học và công nghệ	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã	2026-2030	Kế hoạch /Chương trình/Hợp đồng/Thoả thuận hợp tác
4.2	Tăng cường, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, tuân thủ các	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Các	2026-2030	Kế hoạch /Chương trình/Hợp

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
	điều ước quốc tế có liên quan đến công nghệ sinh học trong quá trình hợp tác.		sở, ngành; địa phương; Các tổ chức, đơn vị liên quan		đồng/Thoả thuận hợp tác
4.3	Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học; chủ động xây dựng các chương trình, đề tài, dự án hợp tác song phương và đa phương với các tổ chức quốc tế, công ty nước ngoài có công nghệ sinh học phát triển để trao đổi thông tin dữ liệu, tranh thủ những kinh nghiệm, tiếp nhận tài trợ và đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển công nghệ sinh học của tỉnh. Mời chuyên gia quốc tế tư vấn xây dựng Khu nghiên cứu - đổi mới sáng tạo công nghệ sinh học Lào Cai.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Các sở, ngành; địa phương; Các tổ chức, đơn vị liên quan	2026-2030	Các chương trình, đề tài, dự án hợp tác song phương và đa phương với các tổ chức quốc tế, công ty nước ngoài
III	Nhiệm vụ thường xuyên				
1	Nghiên cứu, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân. Đưa các nhiệm vụ, giải pháp phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành, lĩnh vực.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.	Sở Khoa học và Công nghệ;	Thường xuyên	Các văn bản triển khai
2	Thường xuyên rà soát, kịp thời cập nhật, bổ sung nội dung phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của các địa phương, ngành, lĩnh vực	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.	Sở Khoa học và Công nghệ;	Thường xuyên	Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật/Quyết định điều chỉnh,....

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
3	Quan tâm chỉ đạo tuyên truyền những thành tựu về công nghệ sinh học; tập trung tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, chú trọng giới thiệu các thành tựu công nghệ sinh học; chủ động tuyên truyền các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; kịp thời khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.	Báo Lào Cai; Sở Khoa học và Công nghệ;	Thường xuyên	Danh mục các bài viết, video, phóng sự về thành tựu công nghệ sinh học; chân dung về các nhà khoa học, nông dân sản xuất giỏi và doanh nghiệp ứng dụng CNSH hiệu quả/Hồ sơ khen thưởng và danh hiệu
4	Tăng cường xây dựng nội dung tuyên truyền trên mạng xã hội, cổng thông tin điện tử tỉnh, các buổi hội thảo trực tuyến dành cho doanh nghiệp, nông dân; Tổ chức chuyên mục trên mạng xã hội, phát clip ngắn về ứng dụng công nghệ sinh học, kết hợp với video hướng dẫn kỹ thuật nông nghiệp thông minh.	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.	Báo Lào Cai; Sở Khoa học và Công nghệ;	Thường xuyên	Các ấn phẩm truyền thông số/Video/clip